

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VL
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST

Ngày: 25 - 6 - 2020

V/v tranh chấp Hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phan Công Trí.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Minh Chiêu.**

2. Ông **Đào Văn Vĩnh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Nhiều,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Mỹ Tiên,** Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp Hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXX-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trịnh Thu H,** sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp Tân Qui 2, xã An Phú Tân, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Giồng Bướm A, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Ông **Trịnh Văn Đ1,** sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp Giồng Bướm A, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (văn bản ủy quyền ngày 09/12/2019) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn: Bà **Huỳnh Kim Mai** – Luật sư Công ty Luật TNHH Một thành viên Minh Quốc thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. *Đồng bị đơn:*

2.1. Ông **Nguyễn Văn A1,** sinh năm 1956 (có mặt).

2.2. Bà **Cao Thị Đ,** sinh năm 1958 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Cai Điều, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 12 năm 2019 và lời khai tại Tòa án, ông **Trịnh Văn Đ1** là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Chị **Trịnh Thu H** có tham gia

chơi nhiều dây hội do vợ chồng ông Nguyễn Văn A1, bà Cao Thị Đ tổ chức, cụ thể như sau:

+ Dây thứ 1: Dây hội tháng mở ngày 20/8/2017, mệnh giá 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, có 43 chung, chị H tham gia chơi 01 chung, mãn hội ngày 20/3/2021. Chị H đã đóng được 16 kỳ hội với số tiền thực đóng là 7.860.000 đồng;

+ Dây thứ 2: Dây hội tháng mở ngày 10/01/2018, mệnh giá 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, có 35 chung, chị H tham gia chơi 01 chung, mãn hội ngày 10/10/2020. Chị H đã đóng được 12 kỳ hội với số tiền thực đóng là 5.660.000 đồng;

+ Dây thứ 3: Dây hội mùa mở ngày 10/3/2017, mệnh giá 10.000.000 đồng, 04 tháng khai một lần, có 16 chung, chị H tham gia chơi 01 chung, không nhớ ngày mãn hội. Chị H đã đóng được 06 kỳ hội với số tiền 33.000.000 đồng.

+ Dây thứ 4: Dây hội tháng mở ngày 20/02/2017, mệnh giá 500.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, gồm 44 chung, mãn hội ngày 20/9/2020. Dây hội này ban đầu chị H không tham gia chơi nhưng khi hội mở được 06 kỳ, chị H có mua lại 03 chung hội từ chủ hội. Lúc mua hội thì không rõ các phần hội được bán là của ai, chị H chỉ biết mua lại từ chủ hội. Khi mua hội có làm giấy tay. Vào kỳ mua hội thì hội viên khác (không rõ ai) để 270.000 đồng hốt được hội, chủ hội căn cứ vào giá hội này để bán hội lại cho chị H với giá 11.740.000 đồng/chung x 03 chung = 35.220.000 đồng. Số tiền 11.740.000 đồng của một chung hội được tính như sau: Do hội bỏ 270.000 đồng nên hội viên phải đóng 230.000 đồng/chung x 38 chung hội sống = 8.740.000 đồng + 3.000.000 đồng (của 06 chung hội chết)/6 kỳ hội chết = 11.740.000 đồng. Sau khi mua hội thì dây hội này tiếp tục khai đến khi chủ hội đình hội. Trong thời gian này, chị H có hốt một chung hội, còn lại hai chung chưa hốt. Nay chị H yêu cầu bà Đ, ông A1 trả lại cho chị H số tiền hội của hai chung còn lại là 11.740.000 đồng/chung x 02 chung = 23.480.000 đồng. Ngoài ra, chị H có nhận của ông A1, bà Đ số tiền 6.640.000 đồng, nên chị H đồng ý trừ số tiền này vào số tiền mà ông A1, bà Đ phải trả cho chị.

Các dây hội trên được tính ngày tháng năm là theo âm lịch, giữa chị H và ông A1, bà Đ thỏa thuận đình hội là ngày 01/01/2019. Việc bà Đ, ông A1 trả số tiền 6.640.000 đồng là số tiền mà chị nhận được từ việc người bán hội đóng hội chết dư ra những kỳ tiếp theo.

Nay chị H yêu cầu ông A1, bà Đ trả lại tổng tiền hội là 63.360.000 đồng và lãi suất phát sinh đối với số tiền 70.000.000 đồng theo quy định của pháp luật (10%/năm) từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 (do chị H chốt lại ngày bà Đ, ông A1 đình hội cuối cùng) đến ngày xét xử sơ thẩm là 25/6/2020 là 14 tháng 24 ngày = 8.598.808 đồng. Mặc dù đình hội 01/01/2019, nhưng chốt nợ vào nhiều ngày khác nhau, nên chị H thống nhất lấy ngày 01/4/2019 để thống nhất trong yêu cầu tất cả các dây hội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, lời thừa nhận của bị đơn. Cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ. Buộc bị đơn trả tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng bị đơn là Nguyễn Văn A1 và bà Cao Thị Đ trình bày: Chị Trịnh Thu H có tham gia chơi nhiều dây hội do ông A1, bà Đ tổ chức, cụ thể như sau:

+ Dây thứ 1: Dây hội tháng mở ngày 20/8/2017, mệnh giá 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, có 43 chung, chị H tham gia chơi 01 chung, mãn hội ngày 20/3/2021. Chị H đã đóng được 16 kỳ hội với số tiền thực đóng là 7.860.000 đồng;

+ Dây thứ 2: Dây hội tháng mở ngày 10/01/2018, mệnh giá 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, có 35 chung, chị H tham gia chơi 01 chung, mãn hội ngày 10/10/2020. Chị H đã đóng được 12 kỳ hội với số tiền thực đóng là 5.660.000 đồng;

+ Dây thứ 3: Dây hội mùa mở ngày 10/3/2017, mệnh giá 10.000.000 đồng, 04 tháng khai một lần, có 16 chung, chị H tham gia chơi 01 chung, không nhớ ngày mãn hội. Chị H đã đóng được 06 kỳ hội với số tiền 33.000.000 đồng.

Ông A1, bà Đ thống nhất với số tiền thực đóng của ba dây hội trên do phía nguyên đơn trình bày.

Đối với dây hội thứ 4: Dây hội tháng mở ngày 20/02/2017, mệnh giá 500.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, gồm 44 chung, mãn hội ngày 20/9/2020. Bà Đ, ông A1 thừa nhận có trực tiếp bán cho chị H 03 chung hội (hội gốc của bà Hồ Thị Hoa là vợ ông Tâm) có địa chỉ tại khóm Bờ Tây, phường Nhà Mát, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu. Trong giấy hội bà Đ ghi là “Tâm chùa bà” có số thứ tự 5, 6, 7. Ông A1, Đ được bà Hoa nhờ bán hội. Khi bán hội cho chị H cũng đã nói rõ sự việc này. Cách thức bán hội như sau: Chị H mua hội của bà Hoa thì bà Hoa có nghĩa vụ đóng hội chết cho chị H kể từ kỳ hội tiếp theo sau kỳ đã hót, mỗi tháng 500.000 đồng x 3 chung = 1.500.000 đồng. Còn chị H đóng hội sống cho chủ hội và hưởng phần chênh lệch còn lại từ việc bà Hoa đóng hội chết. Sau khi bán hội giúp bà Hoa, bà Đ, ông A1 đã giao đủ số tiền hội là 35.220.000 đồng cho bà Hoa. Sau khi chị H mua hội thì dây hội này tiếp tục diễn ra đến hết kỳ hội thứ 23, bà Đ, ông A1 mới đình hội. Đối với dây hội này, chị H đã hót hết một chung vào ngày 20/10/2018, số tiền giao 16.900.000 đồng, còn lại hai chung. Do vậy đối với dây hội này, ông A1, bà Đ chỉ đồng ý trả lại số tiền hội do chị H thực đóng mỗi chung là 5.270.000 đồng x 02 chung = 10.540.000 đồng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông A1, bà Đ thống nhất một phần, cụ thể: Ông A1, bà Đ thống nhất trả lại cho chị H số tiền thực đóng của các dây hội là 57.060.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và đồng bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thu H đối với ông Nguyễn Văn A1, bà Cao Thị Đ về yêu cầu thanh toán tiền nợ hội và lãi suất phát sinh. Buộc ông A1, bà Đ thanh toán cho chị Trịnh Thu H số tiền 63.360.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 01/4/2019 đến ngày 25/6/2020 là 14 tháng 24

ngày với mức 10%/năm (trên số tiền gốc 70.000.000 đồng). Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông A1, bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trịnh Thu H khởi kiện ông Nguyễn Văn A1, bà Cao Thị Đ yêu cầu thanh toán tiền nợ hui là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thời điểm khởi kiện, ông A1, bà Đ cư trú tại ấp Cai Điều, xã Châu Thới, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất: Chị Trịnh Thu H có tham gia 04 dây hui do ông Nguyễn Văn A1 và bà Cao Thị Đ làm chủ, cụ thể như sau:

+ Dây thứ 1: Dây hui tháng mở ngày 20/8/2017, mệnh giá 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, có 43 chung, chị H tham gia chơi 01 chung, đã đóng được 16 kỳ hui với số tiền thực đóng là 7.860.000 đồng;

+ Dây thứ 2: Dây hui tháng mở ngày 10/01/2018, mệnh giá 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, có 34 chung, chị H tham gia chơi 01 chung, đã đóng được 12 kỳ hui với số tiền thực đóng là 5.660.000 đồng;

+ Dây thứ 3: Dây hui mùa mở ngày 10/3/2017, mệnh giá 10.000.000 đồng, 04 tháng khai một lần, có 16 chung, chị H tham gia chơi 01 chung, đã đóng được 06 kỳ hui với số tiền 33.000.000 đồng.

+ Dây thứ 4: Dây hui tháng mở ngày 20/02/2017, mệnh giá 500.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, gồm 44 chung. Dây hui này ban đầu chị H không tham gia chơi nhưng khi hui mở được 06 kỳ, chị H có mua lại 03 chung hui từ chủ hui. Dây hui này khi mua đã khai được 06 kỳ, còn 38 kỳ chưa khai. Vào kỳ mua hui thì hui viên khác (không rõ ai) để 270.000 đồng hốt được hui, chủ hui căn cứ vào giá hui này để bán hui lại cho chị H với giá $11.740.000 \text{ đồng/chung} \times 03 \text{ chung} = 35.220.000 \text{ đồng}$.

Các dây hui này đều được thống nhất đình hui vào ngày 01/01/2019.

Xét lời thừa nhận của bị đơn về các dây hui, thời gian khai, thời gian đình hui, số tiền thực đóng của chị H, cũng như việc mua hui, cho thấy có tồn tại giao dịch hui trên thực tế giữa các bên, thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Ông Nguyễn Văn A1, bà Cao Thị Đ thừa nhận đối với dây hui khai ngày 20/9/2017, ngày 10/01/2018, ngày 10/3/2017 (âm lịch) và nợ lại chị H tổng số tiền là 46.520.000 đồng, lời thừa nhận nợ của ông A1, bà Đ trong trường hợp này cũng thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Đối với dây hui khai ngày 20/02/2017, ông A1, bà Đ thống nhất có bán hui cho chị H 03 chân hui, giá mỗi chân là 11.740.000 đồng, chị H cung cấp giấy biên nhận bán hui. Tuy nhiên, biên nhận có sự tẩy xóa tên người bán hui, nhưng người nhận tiền là ông A1. Bà Đ, ông A1 cho rằng bán hui thay cho chị Hồ Thị Hoa. Tại Biên bản lấy lời

khai bà Hồ Thị Hoa ngày 23/6/2020, bà Hoa không thừa nhận có nhờ bà Đ bán hụi mà trực tiếp bà Hoa bán hụi cho bà Đ 02 chân hụi, chứ không phải 03 chân hụi như giao dịch giữa chị H và ông A1 (bút lục 78 đến 81). Bên cạnh đó, theo danh sách hụi viên thì bà Đ là chủ hụi cũng có tham gia một phần hụi trong dây hụi này với tên Út A1, đến ngày bán hụi ông A1 vẫn chưa hốt chân hụi này. Do đó, việc ông A1, bà Đ bán 03 chân hụi cho chị H là có thật, bà Đ nói bán hụi thay chị Hoa nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh ngoài lời trình bày của bà Đ, ông A1 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, mà xác định giao dịch này do chính ông A1, bà Đ bán 03 chân hụi cho chị H.

[2.4] Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất chị H đã hốt hết một chân, còn 02 chân hụi chưa hốt, số tiền gốc khi mua hụi là 11.740.000 đồng/chân. Chị H yêu cầu ông A1, bà Đ trả tiền gốc của hai chân hụi này, ông A1 và bà Đ thừa nhận đã nhận số tiền từ chị H giao lại cho bà Hoa. Trong quá trình đình hụi, bà Đ đã gom và đưa tiền cho chị H nhiều lần, hiện tại chỉ còn nợ lại 5.270.000 đồng x 2 chân = 10.540.000 đồng. Chị H và bà Hoa không thừa nhận lời trình bày của bà Đ, ông A1. Ngoài lời trình bày của ông bà thì không có chứng cứ nào khác chứng minh đã trả số tiền 23.480.000 đồng cho chị H, nên có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông Đ1 và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2.5] Chị H yêu cầu ông A1, bà Đ trả tiền lãi từ ngày 01/4/2019 đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thỏa thuận đình hụi từ ngày 01/01/2019, cho thấy thời điểm này mới phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bị đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 01/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là sự tự nguyện của đương sự, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể, lãi suất nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận như sau: 70.000.000 đồng x 10%/năm x 14 tháng 24 ngày = 8.598.808 đồng.

[2.6] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, chị H có nhận số tiền 6.640.000 đồng do từ người bán hụi chết giao thông qua ông A1, bà Đ. Chị H đồng ý trả số tiền này lại cho ông A1, bà Đ và khấu trừ vào số tiền mà ông A1, bà Đ phải trả cho chị. Xét sự tự nguyện thừa nhận và yêu cầu của đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7] Từ sự thừa nhận, cũng như phân tích tại mục [2.3] đến [2.6] và thay đổi yêu cầu của nguyên đơn, nên buộc ông A1 và bà Đ có trách nhiệm trả cho chị H số tiền hụi còn nợ lại là 63.360.000 đồng và 8.598.808 đồng tiền lãi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22, khoản 3 Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Hụi, Họ, Biếu, Phưởng, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Do yêu cầu khởi kiện của chị H đối với ông A1, bà Đ được chấp nhận, nên ông A1, bà Đ phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền có trách nhiệm thanh toán 71.958.808 đồng x 5% = 3.597.940 đồng. Tuy nhiên, ông A1, bà Đ là người cao tuổi và có yêu cầu xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho ông A1, bà Đ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.2] Chị H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, đã dự nộp tạm ứng án phí 1.890.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005162 ngày 20/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Như đã phân tích, có căn cứ chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22, khoản 3 Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Hui, Họ, Biêu, Phường; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thu H đối với ông Nguyễn Văn A1, bà Cao Thị Đ về yêu cầu thanh toán tiền hui còn nợ lại 71.958.808 đồng (Bảy mươi một triệu chín trăm năm mươi tám ngàn tám trăm lẻ tám đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn A1 và bà Cao Thị Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị Trịnh Thu H số tiền là 71.958.808 đồng (Bảy mươi một triệu chín trăm năm mươi tám ngàn tám trăm lẻ tám đồng) (trong đó có 63.360.000 đồng tiền gốc và 8.598.808 đồng tiền lãi).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Văn A1 và bà Cao Thị Đ được miễn toàn bộ án phí có giá ngạch.

3.2. Chị Trịnh Thu H đã nộp số tiền 1.890.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005162 ngày 20/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Lê Phan Công Trí